TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **15**/2019/HSST
Ngày: 16/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: bà Trương Thị Việt Nga
Các Hội thẩm nhân dân: ông: Trương Đình Bắc
bà: Hoàng Thị Quýt
Thư ký phiên tòa: bà: Nông Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2019/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2019; Đối với bị cáo:

LÊ VĂN D- sinh năm: 1986; HKTT: Thôn 5, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; họ tên cha: Lê Văn Thân, họ tên mẹ: Lê Thị Cúc; bị cáo có 03 anh chị em (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1993); bị cáo có vợ tên: Lý Phượng Quỳnh và 01 con tên Lê D Khải, sinh năm 2016; tiền án: Ngày 30/9/2008 bị Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước xử phạt 24(hai bốn) tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích" tại bản án số: 29/2008/HSST. Ngày 24/4/2012, bị cáo bị tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số: 15/2012/HSST; Ngày 26/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 20/2012/HSST; ngày 28/5/2012 Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 24 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 15/9/2013. Bị cáo bị tạm giam, từ ngày 19/11/2018 cho đến nay *(có mặt)*.

Bị hại: Trần Văn T, sinh năm: 1989; địa chỉ: Thôn 1, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước *(có mặt)*

Những người làm chứng:

- Trần Văn D, sinh năm: 1977; địa chỉ: Thôn 1, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước *(có mặt)*.

- Lý H, sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn 1, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

- Nguyễn Trường Gi, sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn 1, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 10/11/2019, Lê Văn D đi từ nhà bà Đỗ Thị Thanh Tâm (mẹ vợ D) thuộc thôn 1, xã TH, huyện BĐ về nhà. Khi đi ngang qua nhà Trần Văn T thì phát hiện một xe mô tô, loại Wave, màu xanh, biển số: 93P1-825.67 của anh T dựng bên hông nhà, không có người trông coi. D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên. D đi đến dắt xe ra đường, rút dây điện và điều khiển xe vừa chiếm đoạt được đi về hướng Đội 6, Trung đoàn 717 thuộc thôn 1, xã TH, huyện BĐ. Lúc này, anh T ở trong nhà thì nghe bên ngoài có tiếng động, anh T chạy ra thì nhìn thấy D đang điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Anh T gọi điện thoại cho anh Trần Văn Dương nói về việc bị trộm mất xe. Khoảng 10 phút sau, anh Dương nhìn thấy D điều khiển xe mô tô chạy ngang nhà. Anh Dương cùng anh Lý Hùng, anh Nguyễn Trường Giang điều khiển xe mô tô đuổi theo nhưng không kịp. Khi D điều khiển xe mô tô trên đi đến khu vực lô cao su thuộc thôn 5, xã TH thì bánh xe bị dính đất sình không chảy được nữa. D bỏ xe và đi bộ về nhà thuộc thôn 5, xã TH. Sau đó, anh Trần Văn T đã trình báo công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 07/2018/BKL/ĐGTS ngày 19/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện BĐ xác định: Trị giá tài sản của 01 xe mô tô, loại Wave, biển số: 93P1-825.67 mà bị cáo chiếm đoạt là 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 15/Ctr-VKS ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ truy tố bị cáo Lê Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) giá trị chiếc xe bị mất.

Bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại không tham gia tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện BĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; bị hại cũng không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân muốn có tiền tiêu xài bằng con đường bất chính. Vào khoảng 13 giờ, ngày 10/11/2019, Lê Văn D lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã có hành vi lén lút vào nhà của anh Trần Văn T chiếm đoạt một xe mô tô, loại Wave, màu xanh, biển số: 93P1-825.67 trị giá 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) đang dựng bên hông nhà. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng hành vi, đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra cơ quan điều tra xác định được: Vào ngày 15/11/2018 bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của anh Trần Đức Thiêm gồm: 01 màn hình ASUS, 14inch, màu đen; 01 (một) CPU màu trắng xám; 01 (một) bơm điện nhãn hiệu cá sấu loại 0,5W, 01 điện thoại di động cảm ứng (không rõ chủng loại) với trị giá là: 675.000đ (sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng) tại bản kết luận định giá tài sản số: 09/2018/BKL/ĐGTS ngày 30/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện BĐ.Tuy nhiên, hành vi trên của bị cáo chưa đủ định lượng để cấu thành tội phạm quy định tại Điều 173 của bộ luật hình sự nên Công an huyện BĐ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 12/02/2019 đối với D về hành vi trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 167/2013 là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chủ sỡ hữu là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần xử phạt bị cáo với mức án tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; HĐXX cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu cụ thể: Ngày 30/9/2008 bị Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước xử phạt 24(hai bốn) tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích" tại bản án số: 29/2008/HSST. Ngày 24/4/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số: 15/2012/HSST; Ngày 26/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 20/2012/HSST; ngày 28/5/2012 Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 24 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 15/9/2013. Mặc dù, điều này không phải là căn cứ tính tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nhưng cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo không tốt. HĐXX cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000đ (năm triệu đồng) trị giá chiếc xe bị mất do bị cáo chiếm đoạt; bị cáo đồng ý, Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, sự thỏa thuận này phù hợp với các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ,phù hợp với nhận định của HĐXX; HĐXX chấp nhận.

[9] Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển số 93P1-825.67 cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi lại được nên HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn D** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Văn D 14 (mười bốn) tháng tù; Thời hạn từ tính từ ngày ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 19/11/2018).

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 586; Điều 589

của Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại; Buộc bị cáo Lê Văn D có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trần Văn T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thì hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- Công an huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trương Thị Việt Nga